UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 731 /QĐ-UBND	*Bắc Ninh, ngày 16 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu mua thuốc Methadone và Vắc xin tiêm chủng dịch vụ bổ sung, Dự án: Cung cấp thuốc tập trung tại Sở Y tế năm 2023-2024

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Đấu thầu năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược;

Căn cứ Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về Kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 03/2019/TT-BYT ngày 28/3/2019 của Bộ Y tế ban hành danh mục thuốc sản xuất trong nước đáp ứng yêu cầu về điều trị, giá thuốc và khả năng cung cấp;

Căn cứ Thông tư số 15/2020/TT-BYT ngày 10/8/2020 của Bộ Y tế Ban hành danh mục thuốc đấu thầu, danh mục thuốc đấu thầu tập trung, danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 05/VBHN-BYT ngày 12/4/2023 của Bộ Y tế quy định đấu thầu thuốc trong các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Quyết định số 313/QĐ-UBND ngày 07/6/2016 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh về việc giao nhiệm vụ mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức tập trung;

Căn cứ Quyết định số 1172/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt danh mục thuốc đấu thầu tập trung tại Sở Y tế năm 2023-2024;

Theo đề nghị của Sở Y tế tại Tờ trình số 1435/TTr-SYT ngày 12/6/2023 và Báo cáo thẩm định ngày 02/6/2023 của Hội đồng thẩm định Kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu mua thuốc tập trung tại Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu mua thuốc Methadone và Vắc xin tiêm chủng dịch vụ bổ sung, Dự án: Cung cấp thuốc tập trung tại Sở Y tế năm 2023-2024, cụ thể như sau:

1. Tên gói thầu:

- Gói thầu số 5: Thuốc Methadone.

- Gói thầu số 6: Vắc xin tiêm chủng dịch vụ bổ sung.

2. Tổng giá các gói thầu: 21.264.106.650 đồng *(Bằng chữ: Hai mươi mốt tỷ, hai trăm sáu mươi tư triệu, một trăm linh sáu nghìn, sáu trăm năm mươi đồng)*, trong đó:

- Gói thầu số 5: 578.392.500 đồng *(Bằng chữ: Năm trăm bảy mươi tám triệu, ba trăm chín mươi hai nghìn, năm trăm đồng).*

- Gói thầu số 6: 20.685.714.150 đồng *(Bằng chữ: Hai mươi tỷ, sáu trăm tám mươi lăm triệu, bảy trăm mười bốn nghìn, một trăm năm mươi đồng).*

(*Có danh mục và đơn giá chi tiết kèm theo*).

3. Nguồn vốn: Ngân sách Nhà nước, nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và các nguồn hợp pháp khác.

4. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng.

5. Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn hai túi hồ sơ.

6. Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý II năm 2023.

7. Loại hợp đồng:

- Gói thầu số 5: Thuốc Methadone: Hợp đồng trọn gói.

- Gói thầu số 6: Vắc xin tiêm chủng dịch vụ bổ sung: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

8. Thời gian hiệu lực của thỏa thuận khung, thời gian thực hiện hợp đồng:

- Thời gian hiệu lực của thỏa thuận khung: 17 tháng.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 17 tháng kể từ ngày thỏa thuận khung có hiệu lực.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Sở Y tế theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức mua sắm, quản lý và sử dụng theo đúng quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm về cơ sở pháp lý, xuất xứ hàng hóa, nội dung, giá gói thầu, đảm bảo mua sắm phù hợp với danh mục hàng hóa đã được phê duyệt;

đảm bảo quy cách, chủng loại tương ứng với mức giá từng hàng hóa; đảm bảo chất lượng và thời hạn sử dụng hàng hóa mua sắm.

2. Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Y tế, Tài chính phối hợp với các đơn vị liên quan theo dõi, hướng dẫn, giám sát chủ đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; Sở Y tế, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước Bắc Ninh và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận :
- Như Điều 3;
- Chủ tịch và các PCTUBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, KTTH;
- Lưu : VT, KGVX(NTT).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vương Quốc Tuấn

DANH MỤC GÓI THẦU SỐ 5: THUỐC METHADONE

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 731 /QĐ-UBND ngày 16 /6/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	Methadone Hydrochloride	4	10mg/ml; 1000ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/ Lọ/Túi	2.395	241.500	578.392.500
	Cộng								**578.392.500**

DANH MỤC GÓI THẦU SỐ 6: VẮC XIN TIÊM CHỦNG DỊCH VỤ BỔ SUNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 731 /QĐ-UBND ngày 16 /6/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

STT	Tên chung vắc xin	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Nhóm TCKT	Hàm lượng-nồng độ	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	Vắc xin phòng bệnh lao	BCG sống, đông khô 0,5mg	4	0,5mg/ống	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Ống	460	60.900	28.014.000
2	Vắc xin ngừa 6 bệnh: bạch hầu, ho gà, uốn ván, viêm gan B, Hib và bại liệt.	Biến độc tố bạch hầu ≥ 30 IU; Biến độc tố uốn ván ≥ 40 IU; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố ho gà (PT) 25mcg và ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA) 25mcg và Pertacin (PRN) 8mcg; Kháng nguyên bề mặt virus · viêm gan B (HBV) 10mcg; Virus bại liệt typ 1 bất hoạt (chủng Mahoney) 40 DU; Virus bại liệt typ 2 bất hoạt (chủng MEF-1) 8 DU; Virus bại liệt typ 3 bất hoạt (chủng Saukett) 32 DU; Polysaccharide của Haemophilus influenza typ b 10mcg cộng hợp với 25mcg giải độc tố uốn ván	1	≥ 30 IU; ≥ 40 IU; 25 mcg; 25 mcg; 8 mcg; 10mcg; 40 DU; 8 DU; 32 DU; 10mcg cộng hợp với 25mcg giải độc tố uốn ván	Tiêm bắp	Thuốc tiêm	Hộp	11.680	864.000	10.091.520.000

STT	Tên chung vắc xin	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Nhóm TCKT	Hàm lượng-nồng độ	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
3	Vắc xin phòng bệnh uốn ván	Giải độc tố uốn ván tinh chế ≥ 40 IU/ 0,5ml	4	0,5ml/liều /ống	Tiêm bắp sâu	Thuốc tiêm	Ống	3.470	13.440	46.636.800
4	Huyết thanh kháng viêm gan B	Human Hepatitis B Immunoglo bulin	1	180IU/1ml ,1ml	Tiêm bắp	Thuốc tiêm	Lọ	380	1.700.000	646.000.000
5	Vắc xin ngừa viêm gan siêu vi B cho người lớn	Kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B tinh khiết 20 mcg/1ml	4	Kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B tinh khiết 20 mcg/1ml	Tiêm bắp (<10 tuổi liều 0,5ml; >10 tuổi liều 1ml)	Thuốc tiêm	Lọ	1.200	65.940	79.128.000
6	Huyết thanh kháng dại	Kháng thể kháng vi rút dại 1000 IU	4	1.000 IU/5ml	Tiêm bắp	Thuốc tiêm	Lọ	740	337.050	249.417.000
7	Vắc xin phòng dại	Mỗi 1 liều vắc - xin hoàn nguyên (0,5 ml) chứa: Virus dại bất hoạt (chủng Wistar PM/WI 38 1503-3M) ≥ 2,5 IU	1	Mỗi 1 liều vắc - xin hoàn nguyên (0,5 ml) chứa: Virus dại bất hoạt (chủng Wistar PM/WI 38 1503-3M) ≥ 2,5 IU	Tiêm bắp, tiêm trong da	Thuốc tiêm đông khô	Lọ	1.570	241.595	379.304.150
8	Vắc xin phòng Viêm não Nhật Bản	Mỗi liều 0,5 ml vắc xin hoàn nguyên chứa: Virus Viêm não Nhật Bản chủng SA14-14-2 tái tổ hợp, sống, giảm độc lực 4,0 - 5,8 log PFU	5	Mỗi liều 0,5 ml vắc xin hoàn nguyên chứa: Virus Viêm não Nhật Bản chủng SA14-14-2 tái tổ hợp, sống, giảm độc lực 4,0 - 5,8 log PFU	Tiêm dưới da cho người từ 9 tháng tuổi trở lên	Thuốc tiêm đông khô	Lọ	1.550	554.400	859.320.000
9	Vắc xin ngừa bạch hầu, uốn ván, ho gà (vô bào)	Mỗi liều 0,5ml chứa: Giải độc tố bạch hầu ≥ 2 IU; Giải độc tố uốn ván ≥ 20 IU; Giải độc tố ho gà 8 µg; Filamentous	1	Mỗi liều 0,5ml chứa: Giải độc tố bạch hầu ≥ 2 IU; Giải độc tố uốn ván ≥ 20 IU; Giải độc tố ho gà 8 µg;	Tiêm bắp	Thuốc tiêm	Hộp	1.100	598.000	657.800.000

STT	Tên chung vắc xin	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Nhóm TCKT	Hàm lượng-nồng độ	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
		Haemagglutinin 8 µg; Pertactin 2,5 µg		Filamentous Haemagglutinin 8 µg; Pertactin 2,5 µg						
10	Vắc xin được chỉ định để tạo miễn dịch chủ động cho trẻ từ 2 tháng tuổi phòng ngừa bệnh bạch hầu, uốn ván, ho gà (DTP), bại liệt và Haemophilus influenzae tuýp b.	Mỗi liều 0,5ml chứa: Giải độc tố bạch hầu: ≥ 30IU; Giải độc tố uốn ván: ≥ 40IU; Kháng nguyên Bordetella pertussis: Giải độc tố ho gà: 25mcg; Filamentous Haemagglutinin: 25mcg; Pertactin: 8mcg. Virus bại liệt bất hoạt typ 1: 40 DU; typ 2: 8DU; typ 3: 32DU; Polysaccharide Haemophilus influenzae tuýp b (PRP): 10mcg cộng hợp với khoảng 25mcg protein mang là giải độc tố uốn ván	1	≥ 30IU; ≥ 40IU; 25mcg; 25mcg; 8mcg; 40 DU; 8DU; 32 DU; 10mcg 25mcg	Tiêm bắp (IM)	Thuốc tiêm đông khô	Hộp	120	864.000	103.680.000
11	Vắc xin phòng cúm mùa (cho trẻ từ 6 tháng tuổi trở lên và người lớn)	Mỗi liều 0,5ml vắc xin chứa: A/Brisbane/02/2018 (H1N1)pdm09 – sử dụng chủng tương đương (A/Brisbane/02/2018, IVR-190) 15 mcg; A/South	1	Mỗi liều 0,5ml vắc xin chứa: A/Brisbane/02/2018 (H1N1)pdm09 – sử dụng chủng tương đương (A/Brisbane/02/2018, IVR-190) 15	Tiêm bắp hay tiêm dưới da	Thuốc tiêm	Bơm Tiêm	4.600	270.000	1.242.000.000

STT	Tên chủng vắc xin	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Nhóm TCKT	Hàm lượng-nồng độ	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
		Australia/34/2019 (H3N2) – sử dụng chủng tương đương (A/South Australia/34/2019, IVR-197) 15 mcg; B/Washington/02/2019 – sử dụng chủng tương đương (B/Washington/02/2019, chủng hoang dã) 15 mcg; B/Phuket/3073/2013 – sử dụng chủng tương đương (B/Phuket/3073/2013, chủng hoang dã) 15 mcg		mcg; A/South Australia/34/2019 (H3N2) – sử dụng chủng tương đương (A/South Australia/34/2019, IVR-197) 15 mcg; B/Washington/02/2019 – sử dụng chủng tương đương (B/Washington/02/2019, chủng hoang dã) 15 mcg; B/Phuket/3073/2013 – sử dụng chủng tương đương (B/Phuket/3073/2013, chủng hoang dã) 15 mcg					
12	Vắc xin phòng bệnh viêm dạ dày ruột do Rotavirus	Mỗi liều 2ml chứa: Virus rota sống, giảm độc lực, typ G1P [8] >= 2.10 mũ 6 FFU (hoặc PFU); Kháng sinh (Kanamycin Sulfate) <= 10µg/ml; Chất ổn định (đường sucrose): 35 %; Chỉ thị màu đỏ: đỏ phenol	4	Mỗi liều 2ml chứa: Virus rota sống, giảm độc lực, typ G1P [8] >= 2.10 mũ 6 FFU (hoặc PFU); Kháng sinh (Kanamycin Sulfate) <= 10µg/ml; Chất ổn định (đường sucrose): 35 %; Chỉ thị màu đỏ: đỏ phenol	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Liều	3.400	344.883	1.172.602.200

STT	Tên chung vắc xin	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Nhóm TCKT	Hàm lượng- nồng độ	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
13	Vắc xin ngừa viêm gan siêu vi B	Mỗi liều vắc xin 0,5ml chứa: Kháng nguyên bề mặt viêm gan B tinh khiết HBsAg 10mcg	1	10mcg, 0,5ml	Tiêm bắp (IM)	Thuốc tiêm	Lọ	200	70.774	14.154.800
14	Huyết thanh kháng độc tố uốn ván	Mỗi liều vắc xin 1 ml chứa: Globulin kháng độc tố uốn ván 1500 IU	4	1500IU	Tiêm bắp	Thuốc tiêm	Ống	2.740	25.263	69.220.620
15	Vắc xin phòng thương hàn	Polysaccharide của Salmonella typhi chủng Ty2 25mcg/0,5ml	1	25mcg/ 1 liều 0,5ml	Tiêm bắp, tiêm dưới da	Thuốc tiêm	Hộp	100	150.633	15.063.300
16	Vắc xin phòng bệnh viêm gan A	Protein bao gồm kháng nguyên virut viêm gan A tinh khiết <100µg/0,5 ml	4	0,5ml	Tiêm bắp	Thuốc tiêm	Liều	1.550	95.400	147.870.000
17	Vắc xin phòng bệnh viêm màng não do não mô cầu nhóm Huyết thanh B và C	Protein màng ngoài tinh khiết vi khuẩn não mô cầu nhóm B-50mcg/0,5ml. Polysaccharide vỏ vi khuẩn não mô cầu nhóm C-50mcg/0,5ml.	5	0,5ml	Tiêm bắp	Thuốc tiêm	Liều	4.470	151.704	678.116.880
18	Vắc xin phòng bệnh thủy đậu	Vi rút thủy đậu sống giảm độc lực ≥1.400 PFU	5	0,5ml	Tiêm dưới da	Thuốc tiêm đông khô	Liều	700	764.000	534.800.000
19	Vắc xin phòng bệnh Viêm não Nhật Bản	Vi rút viêm não Nhật Bản bất hoạt, tinh khiết - chủng Nakayama	4	1ml	Tiêm dưới da	Thuốc tiêm	Liều	800	49.815	39.852.000

STT	Tên chung vắc xin	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Nhóm TCKT	Hàm lượng-nồng độ	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
20	Vắc xin phòng bệnh Sởi, quai bị, rubella	Virus sởi >=1000 CCID50; virus quai bị >=12500 CCID50; virus rubella >=1000 CCID50	1	0,5ml	Tiêm bắp (IM) hoặc tiêm dưới da	Thuốc tiêm đông khô	Lọ	8.530	164.620	1.404.208.600
21	Vắc xin phòng sởi	Virus sởi sống, giảm độc lực, chủng AIK-C	4	1000 PFU/liều 0,5 ml	Tiêm dưới da	Thuốc tiêm	Hộp	1.000	353.010	353.010.000
22	Vắc xin phòng bệnh thủy đậu	Virus thủy đậu sống, giảm độc lực chủng Oka/Merck ≥ 1350 PFU	1	0,5ml	Tiêm dưới da	Thuốc tiêm đông khô	Lọ	2.070	714.440	1.478.890.800
23	Vắc xin ngừa viêm gan siêu vi A cho trẻ em	Virus viêm gan A (chủng GBM) bất hoạt 80U	1	80U/ 0,5ml	Tiêm bắp	Thuốc tiêm	Bơm Tiêm	1.000	395.105	395.105.000
	Cộng									**20.685.714.150**